

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (31 -)/DA22KTA

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....08/.....3.....2023

Phòng thi:.....C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922002	Dư Hân	30/01/2004	Nữ	7,5	4.8	6,2	001	<i>Trần Văn Bồi</i>		
2	111922003	Khuru Thị Ngọc	27/09/2004	Nữ	7,5	5.0	6,3	002	<i>Huyền</i>		
3	111922004	Kim Thị Thúy	26/03/2003	Nữ	7,5	5.3	6,4	003	<i>Thúy</i>		
4	111922006	Đặng Hoàng	07/09/2004	Nam	7,0	—	—	—	—		
5	111922009	Vương Vũ	08/12/2004	Nam	8,3	5.3	6,8	005	<i>Nguyễn</i>		
6	111922010	Nguyễn Xuân	28/05/2004	Nữ	7,5	5.5	6,5	006	<i>Xuân</i>		
7	111922012	Huỳnh Tấn	14/09/2004	Nam	7,5	5.5	6,5	007	<i>Tấn</i>		
8	111922013	Trương Ngọc	24/02/2004	Nam	8,0	4.0	6,0	008	<i>Ngọc</i>		
9	111922014	Trần Văn	27/02/2004	Nam	7,5	3.0	5,3	009	<i>Trần</i>		
10	111922015	Khuru Thị Ngọc	27/09/2004	Nữ	7,5	7.3	7,4	010	<i>Thảo</i>		
11	111922016	Neáng	18/05/2004	Nữ	7,0	4.3	5,7	011	<i>Thư</i>		
12	111922017	Trần Thị Anh	13/09/2004	Nữ	7,5	4.5	6,0	012	<i>Anh</i>		
13	111922018	Trương Kim	29/10/2004	Nữ	7,3	4.3	5,8	013	<i>Kim</i>		
14	111922019	Võ Anh	18/07/2004	Nữ	—	—	—	014	<i>Anh</i>		Vắng
15	111922020	Đoàn Thị Ngọc	03/01/2004	Nữ	8,0	3.8	5,9	015	<i>Ngọc</i>		
16	111922022	Võ Thị Mộng	10/09/2004	Nữ	8,0	4.8	6,4	016	<i>Mộng</i>		
17	111922023	Trần Ngọc Mỹ	22/10/2004	Nữ	8,0	4.5	6,3	017	<i>Mỹ</i>		
18	111922024	Lê Bảo	03/02/2004	Nam	7,0	5.0	6,0	018	<i>Bảo</i>		
19	111922025	Nguyễn Bảo	21/06/2004	Nữ	7,5	5.3	6,4	019	<i>Bảo</i>		
20	111922029	Trần Kiều	09/04/2003	Nữ	7,0	4.5	5,8	020	<i>Kiều</i>		
21	111922030	Trần Thị Kiều	02/01/2004	Nữ	8,0	4.5	6,3	021	<i>Kiều</i>		
22	111922031	Thạch Thị Hồng	18/03/2004	Nữ	8,0	3.3	5,7	022	<i>Hồng</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....22.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:22.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....20.....

Tổng số tờ:.....20.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 08 tháng 3 năm 2023

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm**

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (31 -)/DA22KTA

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: TM

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08 / 3 / 2023Phòng thi: C71.205

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922032	Lê Thị Ngọc	Cầm	03/06/2004	Nữ	8,0	4,8	6,4	001	<u>can</u>	
2	111922033	Trương Thị Ngọc	Cầm	27/02/2004	Nữ	7,5	4,0	5,8	002	<u>ca</u>	7,5
3	111922034	Thạch Ngọc Kim	Cúc	20/04/2003	Nữ	7,5	4,8	6,2	003	<u>Ce</u>	
4	111922035	Trần Thị Phương	Đài	23/11/2004	Nữ	7,8	7,0	7,4	004	<u>Đài</u>	
5	111922036	Hồ Thị Hồng	Đậm	06/05/2003	Nữ	8,0	4,5	6,3	005	<u>Đậm</u>	8,0
6	111922038	Trương Thị Hồng	Diễm	06/12/2003	Nữ	8,0	2,5	5,3	006	<u>Diễm</u>	
7	111922039	Lê Nguyễn Nhật	Điền	03/01/2004	Nam	7,5	5,3	6,4	007	<u>Điền</u>	7,5
8	111922040	Đoàn Trần Hoàng	Dung	06/01/2004	Nữ	8,0	2,0	5,0	008	<u>Đoàn</u>	
9	111922041	Phùng Thị Thùy	Dương	18/04/2004	Nữ	8,0	4,0	6,0	009	<u>Ph</u>	
10	111922042	Trần Khánh	Duy	22/06/2004	Nam	8,0	5,5	6,8	010	<u>Duy</u>	
11	111922043	Hà Mỹ	Duyên	07/10/2004	Nữ	8,0	4,8	6,4	011	<u>Duyên</u>	
12	111922045	Thị Thị Kim	Duyên	09/04/2004	Nữ	8,0	3,5	5,8	012	<u>Duyên</u>	
13	111922046	Nguyễn Ngọc	Hân	21/09/2004	Nữ	8,0	4,0	6,0	013	<u>Hân</u>	
14	111922047	Trương Gia	Hân	28/01/2004	Nữ	7,3	4,8	6,1	014	<u>Yên</u>	7,3
15	111922048	Lâm Ngọc	Hằng	19/07/2004	Nữ	8,0	4,3	6,2	015	<u>Hằng</u>	
16	111922050	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	10/11/2004	Nữ						Vùng
17	111922051	Nguyễn Trung	Hậu	11/11/2003	Nam	7,5	4,5	6,0	017	<u>Hậu</u>	
18	111922052	Hà Thị Diệu	Hiền	19/10/2004	Nữ	8,0	4,3	6,2	018	<u>Hiền</u>	
19	111922053	Huỳnh	Hoa	24/04/2003	Nữ	8,0	7,3	7,7	019	<u>Huỳnh</u>	
20	111922054	Trần	Huy	01/10/2004	Nam	4,0					Vùng
21	111922055	Lê Nhật	Khoa	31/08/2004	Nam	7,3	3,8	5,6	021	<u>Khoa</u>	
22	111922056	Nguyễn Trút Như	Khuong	18/10/2004	Nữ	8,0	2,8	5,4	022	<u>Khu</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20Tổng số tờ: 20Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Nhung Dương

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 08 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Nhung DươngCán bộ kiểm tra: Trần Thị Nhung Dương

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (31 -)/DA22KTA

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08 / 03 / 2023

Phòng thi: C.71.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922057	Lê Thị Lài	12/04/2004	Nữ	7,0	3,8	5,4	001	Lài		
2	111922059	Lưu Thị Yến	01/03/2004	Nữ	8,0	5,0	6,5	002	Yến		
3	111922060	Nguyễn Thị Trúc	08/11/2004	Nữ	7,5	4,8	6,2	003	Trúc		
4	111922061	Phương Hoàng	20/10/2004	Nữ	8,0	4,5	6,3	004	Phng		
5	111922123	Phạm Đoàn Ngọc	21/04/2003	Nữ	8,0	4,3	6,2	006	Ánh		
6	111922124	Châu Ngọc	10/01/2004	Nữ	7,3	3,5	5,4	007	Châu		
7	111922125	Thạch Thị Thanh	17/09/2004	Nữ	7,5	3,0	5,3	008	Thanh		
8	111922128	Phạm Huệ	16/11/2004	Nữ	8,0	4,0	6,0	010	Huệ		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08

Tổng số tờ: 08

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 08 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Bồi

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Trần Văn Bồi

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm**

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (31 -)/DA22KTB

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá:.....TH.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....18...../.....3...../.....2023.....

Phòng thi:.....071...../.....A07.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922062	Trần Thị Huỳnh Mai	03/03/2003	Nữ	8,3	4,8	6,6	001	mai		
2	111922065	Sơn Thị Trúc Ngân	02/01/2004	Nữ	8,0	2,5	5,3	002	trúc		
3	111922066	Thạch Thị Thanh Ngân	22/10/2004	Nữ	7,0	4,3	5,7	003	trúc		
4	111922067	Nguyễn Lê Phương Nghi	11/07/2004	Nữ	8,0	7,0	7,5	004	phương		
5	111922068	Từ Phương Nghi	31/05/2004	Nữ	8,0	—	—	—	—		
6	111922069	Thái Hồng Ngọc	23/02/2004	Nữ	7,5	3,5	5,5	006	ngọc		
7	111922074	Trần Thị Ngọc Nhi	05/02/2004	Nữ	7,5	4,0	5,8	007	ngọc		
8	111922076	Cô Thị Huỳnh Như	30/01/2004	Nữ	8,0	4,3	6,2	008	huỳnh		
9	111922077	Ngô Nguyễn Quỳnh Như	12/07/2004	Nữ	7,0	3,0	5,0	009	quỳnh		
10	111922079	Nguyễn Thị Ngọc Như	17/09/2004	Nữ	8,0	3,0	5,5	010	ngọc		
11	111922080	Văn Thị Huỳnh Như	09/09/2004	Nữ	7,5	5,0	6,3	011	huỳnh		
12	111922081	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	11/10/2002	Nữ	7,5	3,5	5,5	012	nhung		
13	111922082	Thạch Thị Thanh Ni	17/09/2004	Nữ	7,5	3,5	5,5	013	ni		
14	111922083	Nguyễn Thị Kiều Nương	12/07/2004	Nữ	7,0	2,3	4,7	014	kiều		
15	111922084	Nguyễn Thị Kim Oanh	02/05/2004	Nữ	7,0	—	—	—	—		
16	111922085	Thạch Thị Sà Phia	12/12/2004	Nữ	7,0	3,5	5,3	016	phia		
17	111922086	Thạch Thị Đa Qui	02/09/2004	Nữ	—	—	—	—	—		
18	111922087	Võ Trần Hoàng Quý	11/02/2004	Nam	6,0	4,8	5,4	018	quý		
19	111922088	Trần Lê Quyên	09/06/2004	Nữ	7,3	5,3	6,3	019	quyên		
20	111922089	Đoàn Thúy Quỳnh	14/11/2004	Nữ	—	—	—	—	—		
21	111922090	Trần Thị Trúc Quỳnh	17/11/2004	Nữ	8,0	3,0	5,5	021	quỳnh		
22	111922091	Ngô Huỳnh Thành	24/09/2004	Nam	7,0	5,8	6,4	022	thành		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....18.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....18.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....18.....

Tổng số tờ:.....18.....

Cán bộ coi thi 1:.....Trần Văn Bồi.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ coi thi 3:.....

Cán bộ coi thi 4:.....

Cán bộ coi thi 5:.....

Cán bộ coi thi 6:.....

Cán bộ coi thi 7:.....

Cán bộ coi thi 8:.....

Cán bộ coi thi 9:.....

Cán bộ coi thi 10:.....

Cán bộ coi thi 11:.....

Cán bộ coi thi 12:.....

Cán bộ coi thi 13:.....

Cán bộ coi thi 14:.....

Cán bộ coi thi 15:.....

Cán bộ coi thi 16:.....

Cán bộ coi thi 17:.....

Cán bộ coi thi 18:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....Sơn Sơn Ba.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (31 -)/DA22KTB

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08/03/2023

Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922092	Tô Thị Thanh	Thảo	11/10/2004	Nữ	8,0	4,0	6,0	001	Thảo	
2	114922093	Trần Trương Thanh	Thiện	07/04/2004	Nam	7,5					vắng
3	111922094	Bùi Đức	Thịnh	23/08/2004	Nam	7,8	4,3	6,1	003	Thịnh	
4	111922096	Hồng Thị Trúc	Thư	09/03/2004	Nữ	7,5	2,5	5,0	004	Thư	
5	111922097	Võ Anh	Thư	02/05/2004	Nữ	7,0	4,5	5,8	005	Thư	
6	111922098	Lâm Ngọc	Thuận	06/04/2004	Nữ	7,3	4,3	5,8	006	Thuận	
7	111922102	Huỳnh Lê Huy	Toàn	13/09/2004	Nam	7,3	2,0	4,7	007	Huy	
8	111922104	Trịnh Huệ	Trâm	30/04/2004	Nữ	6,5	2,8	4,7	008	Trâm	
9	111922105	Lê Thị Huyền	Trân	13/12/2004	Nữ	8,0	4,0	6,0	009	Huyền	
10	111922106	Trần Thị Quế	Trân	15/12/2003	Nữ	8,0	3,0	5,5	010	Trâm	
11	111922107	Trương Thị Huyền	Trân	21/10/2004	Nữ	7,0	3,0	5,0	011	Trâm	
12	111922108	Lý Lê Thùy	Trang	03/02/2004	Nữ	7,5	3,8	5,7	012	Trang	
13	111922109	Trần Tú	Trang	14/03/2004	Nữ	7,5	3,5	5,5	013	Trang	
14	111922110	Phạm Huỳnh Mai	Trinh	11/06/2004	Nữ	7,5	3,8	5,7	014	Trinh	
15	111922112	Nguyễn Thanh	Trúc	31/10/2004	Nữ	8,0	3,5	5,8	015	Trâm	
16	111922115	Nguyễn Thị Bích	Vi	19/08/2004	Nữ	8,0	3,0	5,5	016	Vi	
17	111922116	Sơn Chánh	Việt	12/09/2003	Nam	6,5	4,3	5,4	017	Việt	
18	114922117	Kha Tường	Vy	15/04/2004	Nữ	7,0					vắng
19	111922118	Nguyễn Triệu Thúy	Vy	24/04/2004	Nữ	7,5	4,8	6,2	019	Thúy	
20	111922119	Sơn Thị Ái	Vy	25/10/2004	Nữ	7,0	3,3	5,2	020	Ái	
21	111922120	Trần Thanh	Vy	06/09/2004	Nữ	8,0	3,5	5,8	021	Thanh	
22	111922121	Nguyễn Mai	Xuân	16/12/2004	Nữ	8,0	4,8	6,4	022	Mai	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh phi

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 08 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Bồi

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Trần Văn Bồi

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (31 -)/DA22KTB

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08 / 03 / 2023

Phòng thi: C7.1.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922122	Hồ Thị Ngọc Yến	13/04/2004	Nữ	7,8	2,5	5,2	005	<u>Nguyen</u>		
2	111922127	Nguyễn Thị Kim Ngân	19/10/2004	Nữ	8,0						Vắng
3	111922129	Hồ Thanh Phong	29/09/2004	Nam	7,5	6,0	6,8	011	<u>hth</u>		
4	111922130	Thạch Thị My Ta	21/10/2004	Nữ	7,5						Vắng
5	111922132	Lâm Thị Lan Tiên	19/12/2004	Nữ	8,0	4,0	6,0	013	<u>TL</u>		
6	111922133	Nguyễn Thị Diễm Trinh	02/12/2004	Nữ	7,5	3,8	5,7	014	<u>ly</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ: 04

Cán bộ coi thi 1: Thư Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 08 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phon Pon La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: huy

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (31 -)/DA22LA

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: TM

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08/03/2023

Phòng thi: C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114122001	Nguyễn Bình An	26/02/2004	Nữ	8,0	5,5	6,8	001	Bontr		
2	114122002	Son Thị Ana	02/02/2004	Nữ	7,3	6,3	6,8	002	AmB		
3	114122004	Thái Gia Bảo	17/06/2004	Nam	7,5	6,5	7,0	003	Bao		
4	114122005	Kiên Thị Đa	23/12/2003	Nữ	7,5	6,5	7,0	004	Da		
5	114122007	Huỳnh Hoàng Đạt	15/09/2004	Nam	8,0	8,5	8,3	005	Dat		
6	114122008	Nguyễn Văn Đạt	15/01/2004	Nam							Vậy
7	114122009	Huỳnh Bảo Di	02/06/2004	Nam	7,3	7,0	7,2	007	Di		
8	114122010	Lâm Thị Ngọc Hân	27/08/2004	Nữ	7,8	5,0	6,4	008	Hau		
9	114122012	Lương Huỳnh Trung Hiếu	05/09/2004	Nam	6,5	5,3	5,9	009	Hu		
10	114122014	Trương Trung Hiếu	23/10/2004	Nam							Vậy
11	114122016	Phạm Thanh Huy	09/12/2004	Nam	6,5	4,8	5,7	011	Huy		
12	114122018	Thạch Bảo Khanh	10/02/2004	Nam	7,3	3,5	5,4	012	Khan		
13	114122019	Huỳnh Quốc Khánh	13/07/2004	Nam	6,8	5,0	5,9	013	Ke		
14	114122020	Đỗ Quang Khiêm	12/11/2004	Nam	7,0	4,3	5,7	014	Qua		
15	114122021	Vũ Hải Đăng Khoa	13/12/2004	Nam	8,0	2,0	5,0	015	Kha		
16	114122022	Nguyễn Thị Thúy Kiều	08/01/2004	Nữ	8,0	4,3	6,2	016	Kieu		
17	114122023	Nguyễn Thị Trúc Linh	10/10/2004	Nữ	8,0	4,3	6,2	017	Truc		
18	114122024	Thạch Thị Chiếu Linh	31/10/2003	Nữ	6,5	4,5	5,5	018	Chieu		
19	114122025	Nguyễn An Lộc	10/07/2004	Nam							Vậy
20	114122026	Võ Thanh Lộc	09/04/2004	Nam	7,5	3,0	5,3	020	Loc		
21	114122029	Kiên Sa Nga	01/01/1994	Nam	6,5	2,5	4,5	021	Sa		
22	114122030	Ngô Thị Thanh Nghi	04/02/2004	Nữ	8,0	4,8	6,4	022	Nghi		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Cán bộ coi thi 1:

Trần Văn Bồi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Son Son Ba

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

813
C71.205

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (31 -)/DA22LA

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08 / 3 / 2023

Phòng thi: C71.205

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114122034	Tạ Thiện Như	30/08/2001	Nữ	7,0	3,3	5,2	001	Như		
2	114122036	Lê Minh Nhựt	12/05/2004	Nam	7,0	4,5	5,8	002	Như		
3	114122037	Khâu Thị Thia	15/03/2004	Nữ	6,8	4,0	5,4	003	Thia		
4	114122038	Thái Thị Tha	10/01/2004	Nữ	7,0	4,5	5,8	004	Tha		
5	114122039	Diệp Tấn Phát	03/02/2004	Nam	8,5	7,5	8,0	005	Phát		
6	114122040	Ngàng Sóc Phonl	06/09/2003	Nữ	7,0	4,5	5,8	006	Phonl		
7	114122043	Nguyễn DurŌng	21/06/2004	Nam	7,0	3,5	5,3	007	Thánh		
8	114122045	Trần Ngọc Thư	29/11/2004	Nữ	7,5	5,0	6,3	008	Thư		
9	114122046	Cao Hoài Thương	29/02/2004	Nữ	8,0	5,3	6,7	009	Thương		
10	114122049	Trần Ngọc Huyền	26/09/2003	Nữ	6,5	5,3	5,9	010	25		
11	114122050	Cao Diệu Trí	07/10/2004	Nữ							
12	114122051	Lê Văn Trí	20/01/2001	Nam	7,3	3,8	5,6	011	Trí		
13	114122052	Nguyễn Minh Trí	07/11/2004	Nam	7,3	5,0	6,2	013	Trí		
14	114122054	Phạm Phú Trọng	27/12/2003	Nam	8,0	3,0	5,5	014	Trọng		
15	114122056	Thạch Thanh Tú	03/09/2004	Nam	7,3	3,3	5,3	015	Tú		
16	114122057	Nguyễn Thị Thúy Vy	30/10/2004	Nữ	7,0	4,0	5,5	016	Vy		
17	114122058	Nguyễn Trần Thanh Vy	01/01/2004	Nữ	7,5	3,8	5,7	017	Vy		
18	114122118	Danh Thị Ni Đa	20/03/2003	Nữ	7,5	4,5	6,0	018	Đa		
19	114122119	Son Hải Đăng	25/08/2004	Nam	7,0	3,3	5,2	019	Đăng		
20	114122122	Đỗ Hữu Duy	04/08/2004	Nam	6,5	2,0	4,3	020	Duy		
21	114122123	Phạm Thị Ngọc Hân	26/11/2004	Nữ	8,0	5,3	6,7	021	ngochan		
22	114122124	Trương Ngọc Hân	05/08/2004	Nữ	7,5	3,5	5,5	022	Hân		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 21

Tổng số tờ: 21

Cán bộ coi thi 1: Trần Văn Bồi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Son Son Ka

Cán bộ kiểm tra: Thư

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (31 -)/DA22LA

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08 / 03 / 2023

Phòng thi: C71.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114122125	Dương Hạnh	01/01/1993	Nam	6,5	3,3	4,9	015	<u>nhu</u>		
2	114122126	Triệu Hon	05/01/2001	Nam	6,5	3,8	5,2	016	<u>Hm</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1: Anh Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 08 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: ph

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (31 -)/DA22LB

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá:.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

...../...../.....

Phòng thi:.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114122061	Võ Thị Xuân	Yến	09/02/2004	Nữ	7,5	6,5	7,0	001		
2	114122062	Đào Mỹ	Á	29/08/2004	Nữ	6,8	5,5	6,2	002		
3	114122064	Lê Thị Ngọc	Ánh	17/03/2004	Nữ	6,5	4,0	5,3	003		
4	114122067	Kiên Linh	Đa	10/12/2004	Nữ	7,0	4,8	5,9	004		
5	114122068	Phó Phong Thái	Đặng	02/05/2004	Nam	6,3	4,3	5,3	005		
6	114122069	Sơn Hoàng	Diệu	27/12/2004	Nam	6,3	3,5	4,9	006		
7	114122070	Thạch Kim Quốc	Dũng	04/02/2004	Nam	6,5	2,8	4,7	007		
8	114122073	Sơn Phương	Duy	03/05/2004	Nam	6,8	3,3	5,1	008		
9	114122074	Phan Mỹ	Duyên	24/01/2004	Nữ						
10	114122075	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	16/11/2004	Nữ	7,3	5,3	6,3	010		
11	114122076	Lưu Đặng Thanh	Hào	14/07/2004	Nam	6,5	4,5	5,5	011		
12	114122078	Phùng Thị Song	Hương	21/04/2004	Nữ	7,0	3,8	5,4	012		
13	114122079	Châu Hà Duyên	Huyền	22/08/2004	Nữ	6,5	4,0	5,3	013		
14	114122080	Nguyễn Thị Thúy	Huyền	20/07/2004	Nữ	6,5	3,3	4,9	014		
15	114122081	Nguyễn Ngọc Mỹ	Hy	12/11/2004	Nữ	7,0	3,8	5,4	015		
16	114122082	Nguyễn Hoàng	Khải	14/03/2004	Nam	6,5	4,5	5,5	016		
17	114122083	Nguyễn Quyền	Khang	01/01/2004	Nam	7,0	6,0	6,5	017		
18	114122084	Huỳnh Đăng	Khoa	09/07/2004	Nam						
19	114122085	Trần Anh	Khoa	16/06/2004	Nam	6,0	4,0	5,0	019		
20	114122086	Thạch	Lai	06/06/1996	Nam						
21	114122087	Cao Thị Mỹ	Linh	12/04/2004	Nữ	6,8	4,0	5,4	021		
22	114122089	Phan Lê Cẩm	Ly	21/07/2004	Nữ	6,8	4,3	5,6	022		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....%; Điểm KT:.....%

Trà Vinh, Ngày tháng năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ kiểm tra:.....